

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAICỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15 /2026/QĐ-CTUBND

Lào Cai, ngày 03 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 659/TTr-STC ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Lào Cai gồm:

a) Tài sản do người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của địa phương ra quyết định tịch thu.

b) Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền.

c) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương.

2. Các nội dung không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật hiện hành. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.
2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao chủ trì quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.
3. Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15.
4. Các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản do người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của địa phương ra quyết định tịch thu

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.
2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được thực hiện như sau:
 - a) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan khác quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định tịch thu và tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh ra quyết định tịch thu.
 - b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản thuộc thẩm quyền cấp xã ban hành quyết định tịch thu.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.
2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền được thực hiện như sau:
 - a) Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan thi hành án tỉnh và cơ quan thi hành án cấp quân khu chuyển giao (không bao gồm trường hợp quy định tại điểm b khoản này).
 - b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan thi hành án khu vực chuyển giao.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân và phương án xử lý đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương được thực hiện như sau:

a) Sở Tài chính quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan khác quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương cấp xã.

Điều 6. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Giao Sở Tài chính tổ chức triển khai thực hiện Quyết định đảm bảo quy định. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, thay thế kịp thời, các cơ quan, tổ chức, đơn vị tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản);
- Cục Kiểm tra VB và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các xã, phường;
- Như Điều 6 QĐ;
- Công an tỉnh; Thi hành án tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh Lào Cai;
- Báo và PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH(Dùng).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Hạnh Phúc